

Bản án số: **49/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/11/2017

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Sự.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Kiều Minh Sinh.

2. Ông Phùn Y Phu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hồng Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hỷ Lắm D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

- Bị đơn: Bà Chen Chia C, sinh năm 1994.

Địa chỉ liên lạc: phường P1, khu P2, thành phố D1, Đài Loan.

(Ông D và bà C vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn - Ông Hỷ Lắm D trình bày:**

Năm 2011, ông và bà Chen Chia C tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 415/UBT ngày 01/6/2013 (Vào sổ đăng ký kết hôn số 387, Quyển số 02/2013 ngày 17/6/2013). Sau khi kết hôn, bà C quay về Đài Loan để sinh sống và làm việc còn ông vẫn ở tại Việt Nam với gia đình tại địa chỉ xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Vì khoảng cách xa nhau về địa lý, vợ chồng không thể quan tâm, chăm sóc nhau thường xuyên dẫn đến bất đồng về quan điểm sống. Ông và bà C đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nên đã sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay. Nhận thấy, vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Chen Chia C.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn - Bà Chen Chia C trình bày:*

Bà và ông Hỷ Lãm D có quen biết nhau qua giới thiệu của bạn bè. Sau thời gian tìm hiểu thì bà và ông D cảm thấy hợp về tính cách, quan điểm sống nên ông D đã sang Đài Loan khoảng 06 tháng để thăm bà, đến giữa năm 2013 ông bà quyết định tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 415/UBT ngày 07/6/2013 (Vào sổ đăng ký kết hôn số 387, Quyền số 02/2013 ngày 17/6/2013). Sau khi kết hôn, bà phải trở về Đài Loan để sinh sống và làm việc, còn ông D vẫn thường trú tại Việt Nam.

Bà có làm các thủ tục bảo lãnh ông D qua Đài Loan theo diện đoàn tụ gia đình nhưng do các thủ tục phức tạp, các lần phỏng vấn đều không thành công nên giữa bà và ông D có xảy ra cãi vã, dù nhiều lần liên lạc với nhau nhưng do hoàn cảnh khoảng cách địa lý quá xa không thể quan tâm, chăm sóc nhau thường xuyên dẫn đến xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Các bên ít liên lạc với nhau và chính thức ly thân từ cuối năm 2013. Mặc dù đã cố gắng nhưng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đồng ý ly hôn với ông Hỷ Lãm D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Phát biểu của đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà C là hôn nhân hợp pháp, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà C là có thật, các bên đã sống ly thân từ cuối năm 2013, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hỷ Lãm D.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn trong vụ án là người có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) đang sinh sống ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tất cả đương sự trong vụ án gồm nguyên đơn - Ông Hỷ Lắm D và bị đơn - Bà Chen Chia C đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Hỷ Lắm D và bà Chen Chia C có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 415/UBT ngày 07/6/2013 (Vào sổ đăng ký kết hôn số 387, Quyển số 02/2013 ngày 17/6/2013). Hôn nhân của ông D và bà C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Ông D yêu cầu xin ly hôn, áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Ông D và bà C đều trình bày: Vợ chồng chỉ chung sống với nhau trong khoảng thời gian ngắn sau khi kết hôn. Bà C sống tại Đài Loan còn ông D sống tại Việt Nam nên không tổ chức được cuộc sống chung, chính thức ly thân từ cuối năm 2013 đến nay. Các bên đều nhất trí việc ly hôn. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Cây G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cho thấy ông D và bà C chỉ chung sống tại địa phương khoảng một thời gian ngắn, cả hai không còn chung sống với nhau. Bà C hiện đang sống tại Đài Loan, còn ông D đang cư trú tại địa phương ổn định từ bốn năm nay. Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà C thực sự không hạnh phúc, các bên không còn mong muốn tiếp tục xây dựng cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà C không còn cần thiết. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hỷ Lắm D.

[3.2] Về con chung: Các bên đương sự đều xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Hỷ Lắm D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa: Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, Điều 238, Điều 474 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 123, Điều 124 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hỷ Lãm D đối với bà Chen Chia C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hỷ Lãm D được ly hôn với bà Chen Chia C.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Hỷ Lãm D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 001123 ngày 10/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

5. Ông Hỷ Lãm D được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, bà Chen Chia C được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Công Sự**

